

Số: /KH-UBND

Sơn Tây, ngày 17 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn xã năm 2022

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 08/7/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 17/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính xã Sơn Tây năm 2022; Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên địa bàn xã năm 2022, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch Cải cách hành chính, Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn xã năm 2022; triển khai thực hiện rà soát, đánh giá TTHC định kỳ hàng năm theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

Kịp thời phát hiện những nội dung bất cập, không còn phù hợp của TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (cấp xã), văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC để đề xuất các phương án đơn giản hóa TTHC theo quy định. Đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

2. Yêu cầu:

Đảm bảo rà soát và kiến nghị cắt giảm tối thiểu 10% số quy định và cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ đối với các TTHC.

Quán triệt và thực hiện rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC có hiệu quả, đúng tiến độ theo Kế hoạch này.

Việc rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC phải được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

Kết quả rà soát, đánh giá phải có tính khả thi và xác định rõ văn bản quy phạm pháp luật cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC.

3. Phạm vi:

Các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC của cấp xã đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, công khai đang còn hiệu lực thi hành. Trong đó, trọng tâm là các TTHC có thành phần hồ sơ nhiều, chồng chéo, thời hạn giải quyết dài, điều kiện thực hiện TTHC khó khăn để tiến hành rà soát.

(Có Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đưa vào rà soát kèm theo)

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:

- Phải xác định rõ nội dung, yêu cầu rà soát; xác định cụ thể tên TTHC, quy định về thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện để thực hiện có liên quan được rà soát; cơ quan thực hiện (phân công cán bộ chuyên môn thực hiện rà soát; giao trách nhiệm đầu mối tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát); xác định rõ các chỉ tiêu định lượng cụ thể về tỷ lệ cắt giảm về thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện, chi phí cắt giảm khi thực hiện TTHC.

- Việc xác định các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC đưa vào Kế hoạch rà soát phải căn cứ vào danh mục, nội dung TTHC đang còn hiệu lực thi hành.

2. Quy trình xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:

- Trên cơ sở các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã theo ngành, lĩnh vực xã xem xét, lựa chọn các TTHC có thành phần hồ sơ phức tạp, chồng chéo, thời hạn giải quyết dài, điều kiện thực hiện TTHC khó khăn để đưa vào Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của lĩnh vực mình phụ trách.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Một cửa tiến hành rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính các TTHC do mình phụ trách tiếp nhận.

- Cán bộ, công chức đầu mối kiểm soát TTHC tổng hợp danh mục, tham mưu giúp lãnh đạo đơn vị ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (theo Mẫu Phụ lục V, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ).

3. Thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:

- Theo phân công, cán bộ chuyên môn phụ trách giải quyết TTHC, cán bộ tiếp nhận TTHC tiến hành rà soát, tính toán chi phí tuân thủ TTHC mà mình trực tiếp giải quyết theo hướng dẫn tại Điều 25, Điều 27, sử dụng Biểu mẫu rà soát, đánh giá TTHC và hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

- Cán bộ, công chức đầu mối kiểm soát TTHC phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện việc rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện

thực hiện TTHC và hướng dẫn giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, cung cấp đầy đủ các tài liệu, biểu mẫu rà soát, hướng dẫn cách thức rà soát, tổng hợp phương án đơn giản hoá các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC, xây dựng báo cáo kết quả rà soát của đơn vị theo mẫu tại Phụ lục VI, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

- Chủ tịch UBND xã tổ chức họp nội bộ để thống nhất kết quả rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC: Nội dung phương án đơn giản hóa và các sáng kiến cải cách TTHC; lý do; chi phí cắt giảm khi đơn giản hóa; kiến nghị thực thi.

4. Đánh giá chất lượng rà soát:

Sau khi nhận được kết quả rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC của các công chức chuyên môn, Văn phòng xã có trách nhiệm lập báo cáo lên cấp huyện theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các công chức chuyên môn phục trách tiếp nhận các TTHC:

Kịp thời triển khai thực hiện Kế hoạch này, tổ chức rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã để tổng hợp, đánh giá kết quả rà soát báo cáo UBND huyện tổng hợp **trước ngày 10/7/2022** để xem xét, đánh giá chất lượng.

2. Văn phòng xã:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tham mưu xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC tại xã đảm bảo hiệu quả, chất lượng. Tổ chức rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, tổng hợp và gửi báo cáo kết quả về UBND huyện **trước ngày 15/7/2022**; đồng thời, gửi về các phòng, ban UBND huyện theo phạm vi quản lý để tổng hợp, đánh giá kết quả rà soát.

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

- Đôn đốc các công chức chuyên môn thực hiện rà soát theo đúng Kế hoạch đã ban hành; kịp thời báo cáo UBND huyện về tình hình thực hiện Kế hoạch của xã để có biện pháp xử lý.

- Tham mưu báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính trình UBND xã phê duyệt, báo cáo UBND huyện theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC năm 2022 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán,

quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính. Mức chi cho hoạt động rà soát được áp dụng theo quy định tại Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND tỉnh.

Yêu cầu các cán bộ, công chức xã có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về UBND xã (qua Văn phòng) để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các công chức chuyên môn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Đức

DANH MỤC
Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của cấp huyện đưa vào rà soát, đánh giá
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 17/3/2022 của UBND xã)

TT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú (Trang)
	TƯ PHÁP – HỘ TỊCH <i>Quyết định 3509/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh</i>	
	I. Lĩnh vực hộ tịch	23 TT
1	Đăng ký khai sinh	
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
3	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
4	Đăng ký khai sinh lưu động	
5	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi	
6	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi	
7	Đăng ký kết hôn	
8	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	
9	Đăng ký kết hôn lưu động	
10	Đăng ký khai tử	
11	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	
12	Đăng ký khai tử lưu động	
13	Đăng ký giám hộ	
14	Đăng ký chấm dứt giám hộ	
15	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
16	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
17	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
18	Đăng ký lại khai sinh	
19	Đăng ký lại kết hôn	
20	Đăng ký lại khai tử	
21	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	
22	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
23	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
	II. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI	3 TT
24	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	

25	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	
26	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
	III. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC	11 TT
27	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
28	Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	
29	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
30	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
31	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
32	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
33	Chứng thực di chúc	
34	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
35	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
36	Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
37	Cấp bản sao từ sổ gốc	
	IV. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	02 TT
38	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	
39	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	
	V. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (04 TTHC)	
40	Thủ tục công nhận hòa giải viên	
41	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	
42	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	
43	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Theo QĐ số 4017/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI – 1TT		
44	Hòa giải tranh chấp đất đai cấp xã	
II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC –		

45	Đăng ký khai thác nước dưới đất	1TT
III. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG – 1TT		
46	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.	
	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (QĐ SỐ 1599 NGÀY 29/3/2021)	16 TT
47	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	
48	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
49	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	
50	Đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	
51	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	
52	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	
53	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	
54	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	
55	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	
56	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
57	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	
58	Đăng ký đất đai đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý	

59	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
60	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	
61	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	
62	Đăng ký đất đai lần đầu nhưng chưa có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Thủ tục mới được ban hành).	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NNPTNT (Kèm theo QĐ số 620/QĐ-UBND ngày 20/2/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh) –	1TT
63	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Ban hành kèm theo Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh) –	1TT
64	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC GIAO THÔNG, VẬN TẢI (Theo Quyết định 2708/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh) –	9 TT
65	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	
66	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	
67	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người	

	phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	
68	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký.	
69	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký.	
70	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	
71	Cấp lại giấy chứng nhận, đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	
72	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người.	
73	Xoá đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người.	
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	
	<i>1. Theo Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh</i>	
TT	Tên Thủ tục hành chính	

III. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI – 1TT		1tt
74	Trợ giúp khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	
	2. (Kèm theo QĐ số 3747/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)	
I. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG –		24 TT
75	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	
76	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân người có công với cách mạng từ trần	
77	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sỹ	
78	Giải quyết chế độ anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	
79	Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	
80	Giám định vết thương còn sót	
81	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
82	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
83	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày	
84	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
85	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
86	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ	
87	Xét tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	
88	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	
89	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	
90	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	
91	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	
92	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	
93	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sỹ	
94	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
95	Lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	

96	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	
97	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sỹ	
98	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia	
III. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI –		9 TT
99	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	
100	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	
101	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	
102	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	
103	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	
104	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	
105	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	
106	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	
IV. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI –		1 TT
107	Áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại trung tâm chữa bệnh – giáo dục – lao động xã hội	
	(THEO QĐ SỐ 2857 NGÀY 11/8/2021 về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19)	
LĨNH VỰC VIỆC LÀM –		3TT
108	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động do đại dịch COVID – 19.	
109	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do đại dịch COVID-19	
110	Hỗ trợ hộ kinh doanh khó khăn do đại dịch COVID-19	
I. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG		– 2TT
111	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch Covid- 19	
112	Hỗ trợ người sử dụng vốn lao động vay vốn để trả lương ngưng	

	việc đối với người lao động phải ngưng việc do đại dịch COVID-19	
	<i>(Theo Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh) – 11TT</i>	
	I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI	11 TT
113	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	
114	Đổi, cấp lại giấy chứng nhận khuyết tật	
115	Trò giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	
116	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ mai táng	
117	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	
118	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	
119	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	
120	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	
121	Đổi, cấp lại giấy chứng nhận khuyết tật	
122	Trò giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	
123	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ mai táng	
	II. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI	2 TT
124	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	
125	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC NỘI VỤ <i>(Theo Quyết định 3827/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)</i>	
	LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG	5TT
126	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	
127	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	
128	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND xã về thành tích đột xuất	
129	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND xã cho gia đình	
130	Tặng danh hiệu “lao động tiên tiến”	
	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO – 10 tt	10TT
131	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng tại địa bàn một xã, phường, thị trấn	
132	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng tại địa bàn một xã, phường, thị trấn	
133	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung tại địa bàn một xã, phường, thị trấn	

134	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã, phường, thị trấn	
135	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã, phường, thị trấn	
136	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
137	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã, phường, thị trấn	
138	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO	
	<i>(Kèm theo QĐ số 1077/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)</i>	6 TT
139	Giải quyết khiếu nại	
140	Giải quyết tố cáo	
141	Tiếp công dân	
142	Xử lý đơn	
143	Giải quyết khiếu nại	
144	Giải quyết tố cáo	
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (Theo QĐ số 3614 ngày 04/11/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)	
	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	3TT
145	Thông báo tổ chức lễ hội	
146	Xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa hàng năm	
147	Xét tặng giấy khen gia đình văn hóa	
	Lĩnh vực thư viện	1TT
148	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 đến dưới 1000 bản	
	Lĩnh vực Thể dục – thể thao	1TT
149	Công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở	
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Kèm theo QĐ số 2695/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)	5TT
150	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
151	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
152	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động trở lại	
153	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	

154	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA NGÀNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ <i>(Kèm theo QĐ số 67/QĐ-UBND ngày 08/1/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)</i>	3TT
155	Thông báo thành lập Tổ hợp tác	
156	Thông báo thay đổi Tổ hợp tác	
157	Thông báo chấm dứt hoạt động của Tổ hợp tác	

UBND XÃ SƠN TÂY